

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2019

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.
2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 15/ 10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22 ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 12 đường D, tổ dân phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 12 đường D, tổ dân phố H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Trần Thị Q trình bày: Tôi và ông L đi đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường T, thị xã B) vào ngày 10/01/1991. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến khoảng tháng 01/2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L không còn yêu thương, chăm sóc vợ con nữa, không tôn trọng ý kiến của tôi, tự ý quyết định mọi việc trong gia đình thường xuyên kiểm chuyện, gây sự, chửi bới, xúc phạm tôi, thậm chí có lúc còn đánh đập tôi một cách vô cớ. Hai vợ chồng không hợp

nhau, không cùng chung quan điểm sống. Tuy nhiên vì con cái tôi đã cố gắng chịu đựng mong ông L thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L chứng nào tật đó không chịu thay đổi. Hiện nay tôi không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông Nguyễn Thành L. Vì vậy tôi có nguyện vọng xin được ly hôn ông Nguyễn Thành L.

Về con chung, Chúng tôi có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh D, sinh ngày 08/11/1991; Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/11/1996; Nguyễn Thanh K, sinh ngày 20/6/2001. Khi khởi kiện cháu K chưa thành niên, nhưng đến nay cả ba cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên việc các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu bà Q không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Trước đây tôi làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 8, địa chỉ tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích 11.394,2 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 577174 ngày 06/9/2012 mang tên Nguyễn Thành L và Trần Thị Q. Trên đất có khoảng 1100 cây cà phê, 1500 trụ tiêu, 10 cây bơ, 20 cây sầu riêng, 20 cây vải thiều, 02 cái giếng, 01 căn nhà cấp bốn. Tài sản trị giá khoảng 500.000.000 đồng.

Mùa vụ năm 2018 ông L thu hoạch được hơn 3 tấn cà phê nhân xô và khoảng 3,5 tấn tiêu. Tài sản này do ông L đang giữ trị giá khoảng 250.000.000 đồng.

Do lô đất rẫy có nguồn gốc ban đầu là tôi mua riêng, nhưng khi mua tôi có đồng ý cho ông L đứng tên cùng trong bì đỏ nên tôi có nguyện vọng chia giá trị lô đất rẫy trên cho tôi 60% giá trị tài sản, chia cho anh Long 40% giá trị tài sản nói trên.

Về công nợ chung: Hiện nay vợ chồng tôi còn nợ các khoản nợ như sau:

Nợ ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Buôn Hồ số tiền 100.000.000 đồng cùng lãi suất. Quá trình vay chúng tôi có thể chấp quyền sử dụng đất số BK 577174 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 06/9/2012 và quyền sử dụng đất số BK 747866 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 28/5/2012.

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Buôn Hồ số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh

Nợ bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền 30.400.000 đồng cùng lãi suất

Nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 15.000.000 đồng cùng lãi suất

Tổng công nợ chồng tôi nợ là 195.400.000 đồng

Nguyện vọng của tôi muốn được Tòa án giải quyết chia đôi khoản nợ nói trên mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết tôi có nguyện vọng xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung. Chúng tôi xin tự thỏa thuận nếu như không được thì tôi sẽ yêu cầu khởi kiện sau.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thành L

đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, biết được các yêu cầu của bà Q trong vụ án và Tòa án cũng đã triệu tập ông L nhiều lần đến giải quyết vụ án nhưng ông L vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn cố tình trốn tránh trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, bà *Trần Thị Q* và ông L đi đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường T, thị xã B) vào ngày 10/01/1991.

quá trình chung sống đến khoảng tháng 01/2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cho đến nay; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Q được ly hôn với ông L. Về con chung: đã trưởng thành trên 18 tuổi. Về tài sản và công nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thành L đã nhận thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể công khai chứng cứ và hoà giải được theo quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, ông L vắng mặt lần thứ hai, việc cố tình vắng mặt của ông L là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc giải quyết vắng mặt; vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- **Về nội dung:**

[1] *Về hôn nhân:* bà Q và ông L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 10/01/1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến khoảng tháng 01/2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án

cũng như tại phiên tòa, bà Q xác định không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận vợ chồng bà Q, ông L lúc đầu sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, địa phương đã hoà giải nhưng không có kết quả vì mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu ly hôn của bà Q thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải được, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q để tạo điều kiện cho mỗi người có một cuộc sống khác phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Q, ông L có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh D, sinh ngày 08/11/1991; Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/11/1996; Nguyễn Thanh K, sinh ngày 20/6/2001. Hiện nay cả ba cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên việc các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu bà Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q đã rút yêu cầu chia tài sản và công nợ chung, ông L không có ý kiến gì, đối với ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Buôn Hồ; Ngân hàng chính sách xã hội, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Buôn Hồ; bà Nguyễn Thị Kim T; bà Nguyễn Thị N không có yêu cầu độc lập đối với số nợ trên; vì đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên cần chấp nhận, đình chỉ yêu cầu này và không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Bà Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 205, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Q.

-*Về hôn nhân*: Cho bà Trần Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

-*Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Q, ông L có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh D, sinh ngày 08/11/1991; Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18/11/1996; Nguyễn Thanh K, sinh ngày 20/6/2001. Hiện nay cả ba cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên việc các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Các bên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* bà Trần Thị Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011386 ngày 01/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- UBND phường Thống nhất, tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

HOÀNG MINH CHÚC

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHÚC

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- UBND phường Thống nhất, tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HOÀNG MINH CHÚC

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 15/ 10/2019.

Tại trụ sở TAND thị xã Buôn Hồ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng và bà Hoàng Vạn Sinh.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Quỳ, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 12 Duy Tân, tổ dân phố Hợp Thành 1, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành Long, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 12 Duy Tân, tổ dân phố Hợp Thành 1, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử biểu quyết, quyết định các vấn đề sau:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về căn cứ pháp luật áp dụng: - Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 205, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Các quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Quý.

- Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Quý được ly hôn với ông Nguyễn Thành Long.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Quý, ông Long có 03 con chung là Nguyễn Thị Minh Diễm, sinh ngày 08/11/1991; Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 18/11/1996; Nguyễn Thanh Kiệt, sinh ngày 20/6/2001. Hiện nay cả ba cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên việc các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem

- Về tài sản và công nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết. Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Quý phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011386 ngày 01/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Kết quả biểu quyết: 3/3.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Kết quả biểu quyết các vấn đề trên 3/3, không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào lúc 09 giờ 20 phút cùng ngày và đã được thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHÚC